TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 28-9-2018
V/v Tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Thận
Ông Nguyễn Mạnh Dũng
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông Dương Thế Nam – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 207/2017/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2015, về việc tranh chấp "Ly hôn" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Lý Thị Th, sinh năm: 1976
- *Bị đơn*: anh Lý Văn H, sinh năm: 1978

Cùng trú tại: Thôn 12, xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lý Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và anh H chung sống với nhau từ năm 1997 và đăng ký kết hôn có Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 1998. Nguyên nhân do anh H thường xuyên đi uống rượu không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2004 thì hoàn cảnh gia đình ngày càng khó khăn nhưng anh H vẫn không thay đổi, chị Th nhiều lần chịu đựng khuyên nhủ anh H nhưng anh H không thay đổi. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh H đã bỏ nhà đi. Hiện nay tình cảm giữa chị và anh H không còn nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: có 02 cháu Lý Văn C, sinh năm 1998 và Lý Văn T sinh năm 2004. Nguyện vọng của chị Th là nuôi cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Lý Văn H đã được Tòa án thông báo triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên theo bản tự khai ngày 18/5/2018 anh H trình bày: anh và chị Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Anh và chị Th chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nguyên nhân do anh sa ngã vào con đường ma túy nên anh đã bỏ nhà đi vì anh nghĩ nếu ở nhà thì làm khổ chị Th và các con. Hiện nay anh đã nhận thức việc sai trái của mình và có nguyện vọng đoàn tụ với chị Th để cùng xây dựng gia đình.

- Về con chung: có 02 cháu Lý Văn C, sinh năm 1998 và Lý Văn T sinh năm 2004. Tùy theo nguyện vọng các cháu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Th được ly hôn với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Lý Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị và anh Lý Văn H. Hiện nay bị đơn anh H trú tại thôn 12, xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị Th và anh Lý Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, đến năm 2002 thì hai bên đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 06/2002 ngày 22/01/2002 đã được chị Th giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị Th và anh Lý Văn H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Chị Th và anh H đều thừa nhận mâu thuẫn vào năm 2015 thì mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ phía anh, mặt khác anh H thừa nhận có nghiện ma túy vào năm 2015

làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình nên đã bỏ nhà đi từ đó đến nay. Mâu thuẫn này đã được anh chị hàn gắn nhưng không thành. Mặc dù anh có nguyện vọng đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Th là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng anh H và chị Th đã sống ly thân một thời gian dài từ lúc anh H bỏ nhà đi năm 2015, trong thời gian sống ly thân thì giữa anh chị mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khinh tế độc lập. Như vậy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của người vợ người chồng làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Lý Văn C, sinh năm 1998 và Lý Văn T sinh ngày 12/3/2004. Đối với cháu C đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với Lý Văn T, chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu. Xét thấy hiện nay cháu đáng sống với mẹ và đang học tập tại xã T.N, bản thân cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc được trực tiếp nuôi cháu T.

Về cấp dưỡng: đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Quan điểm giải quyết của Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Th. Chị Lý Thị Th được ly hôn với anh Lý Văn H.

[2] Về con chung: Giao cháu Lý Văn T; sinh ngày: 12/3/2004 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thân thành niên. Đối với cháu Lý Văn C, sinh năm 1998 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị Th phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo Biên lai số 0022040 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Điểu Thị Hạnh